

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 28 - 4 - 2021.
V/v Tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đoạt
2. Bà Phạm Hồng Gái

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp, Viện kiểm sát huyện H không tham gia.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2021/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐST- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị L, sinh năm: 1979. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Lý Văn H, sinh năm: 1973. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI D V VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Võ Thị L trình bày:

Năm 2003, chị với anh Lý Văn H yêu thương, tìm hiểu và được hai bên gia đình thống nhất nên anh chị tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, chị với anh H có ba con chung tên Lý Thị Thanh V, sinh ngày 16/7/2004, Lý Thị Mỹ D, sinh ngày 18/12/2005 và Lý Văn H1, sinh ngày 04/7/2008, hiện các cháu đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2008 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm sóc gia đình. Mặc dù chị nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh H vẫn không thay đổi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa chị với anh Lý Văn H.

Về quan hệ con chung: Chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Lý Thị Thanh V, sinh ngày 16/7/2004, Lý Thị Mỹ D, sinh ngày 18/12/2005 và Lý Văn H1, sinh ngày 04/7/2008 và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

2. Bị đơn anh Lý Văn H trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị Võ Thị L về quan hệ hôn nhân, con chung. Nay L yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa anh với chị L thì anh đồng ý. Đồng thời, do anh đồng ý giao con chung tên Lý Thị Thanh V, sinh ngày 16/7/2004, Lý Thị Mỹ D, sinh ngày 18/12/2005 và Lý Văn H1, sinh ngày 04/7/2008 cho chị Võ Thị L tiếp tục nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh thống nhất ý kiến của chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn chị Võ Thị L và bị đơn anh Lý Văn H có ý kiến giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cũng như trình bày của mình và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh chị tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nguyên đơn chị Võ Thị L và anh Lý Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Võ Thị L và bị đơn anh Lý Văn H.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị L thì quan hệ pháp luật được xác định là: *“Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung”* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn anh Lý Văn H có nơi cư trú tại xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải ngày 19 tháng 4 năm 2021, chị Võ Thị L và anh Lý Văn H thống nhất thừa nhận: Chị Võ Thị L với anh Lý Văn H chung sống như vợ chồng từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, mặc dù được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng anh H với chị L không hòa giải, hàn gắn được và hiện nay anh chị đã ly thân với nhau.

Đồng thời, theo lời khai cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lý Văn H có ý kiến đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị L về việc chị L đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng với anh.

Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, thì không làm phát sinh quyền, giữa vợ giữa chồng”* và anh Lý Văn H đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị L nên có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị L về việc đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng với anh Lý Văn H.

[3.2]. Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị L với anh H có con chung tên Lý Thị Thanh V, sinh ngày 16/7/2004, Lý Thị Mỹ D, sinh ngày 18/12/2005 và Lý Văn H1, sinh ngày 04/7/2008. Hiện chị L đang là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L với anh H thỏa thuận: Anh H tự nguyện giao ba con chung tên Lý Thị Thanh V, Lý Thị Mỹ D và Lý Văn H1 cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và anh H không cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh H được quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

Đồng thời, theo nguyện vọng của cháu Lý Thị Thanh V, Lý Thị Mỹ D và Lý Văn H1 nếu cha mẹ sống chung không hợp với nhau, ly hôn thì các cháu xin được sống với mẹ. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[3.3]. Về quan hệ chia tài sản, nợ chung: Chị Võ Thị L và anh Lý Văn H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Võ Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Võ Thị L và anh Lý Văn H là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Võ Thị L và anh Lý Văn H về việc anh H giao con chung tên Lý Thị Thanh V, sinh ngày 16/7/2004, Lý Thị Mỹ D, sinh ngày 18/12/2005 và Lý Văn H1, sinh ngày 04/7/2008 cho chị Võ Thị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và anh Lý Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Võ Thị L không yêu cầu anh Lý Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lý Văn H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về chia tài sản, nợ chung: Chị Võ Thị L và anh Lý Văn H thống nhất xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Võ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà chị Võ Thị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001463 ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

5. Chị Võ Thị L và anh Lý Văn H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện H;
- Cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Tú Quỳnh